

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2025
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Ghê;
- Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thủy T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ H, khu phố H, phường A, tỉnh Tây Ninh.

Căn cước công dân số: 072191004903.

Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

Căn cước công dân số: 080092016808.

(bà T, ông T1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thủy T trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2019 bà và ông Lê Minh T1 đã xác lập quan hệ

vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 nhiều lần cờ bạc, nợ nần, không lo làm ăn kinh tế để chăm lo cho gia đình, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà và ông T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 con chung tên Lê Đặng Kim P, sinh ngày 19/12/2024. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Đặng Kim P, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: bà Đặng Thủy T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Đặng Thủy T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2025 bị đơn ông Lê Minh T1 có ý kiến trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông T1 đồng ý ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông T1 và bà T có 01 con chung tên Lê Đặng Kim P, sinh ngày 19/12/2024. Khi ly hôn, ông T1 đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: ông Lê Minh T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Lê Minh T1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Đặng Thủy T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục văn bản tố tụng cho ông Lê Minh T1 theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Minh T1 vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Đặng Thủy T, ông Lê Minh T1 bận việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Đặng Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: bà Đặng Thủy T, ông Lê Minh T1 bận việc và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thủy T và ông Lê Minh T1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/10/2019 (Giấy đăng ký số 102/2019) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thủy T và ông Lê Minh T1 là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thủy T đối với ông Lê Minh T1, thấy rằng: bà T trình bày cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 nhiều lần cờ bạc, nợ nần, không lo làm ăn kinh tế để chăm lo cho gia đình, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà và ông T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, hai bên hiện đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thủy T.

[2.3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 xác định có 01 con chung tên Lê Đăng Kim P, sinh ngày 19/12/2024. Xét thấy, cháu P dưới 36 tháng tuổi và hiện đang do bà T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và ông T1 cũng đồng ý giao con chung là cháu P cho bà T nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà T và ông T1 ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, yêu cầu của bà T được ông T1 đồng ý, phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: bà T và ông T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: bà T và ông T1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn bà Đặng Thủy T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn, ông T1 phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thủy T về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Minh T1.

1. Về hôn nhân: bà Đặng Thủy T được ly hôn với ông Lê Minh T1.
2. Về quyền nuôi con chung: bà Đặng Thủy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Đăng Kim P, sinh ngày 19/12/2024.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lê Minh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: bà Đặng Thủy T và ông Lê Minh T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: bà Đặng Thủy T và ông Lê Minh T1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: bà Đặng Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000986 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí để thi hành. Bà Đặng Thủy T đã nộp đủ án phí. Ông Lê Minh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã An Ninh, tỉnh Tây Ninh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Kim Thắm